

Số: /BC-LN

Thái Bình, ngày tháng năm 2023

## Dự thảo

### **BÁO CÁO**

#### **Kết quả hoạt động công tác y tế trường học năm học 2022-2023**

Thực hiện Quyết định số 85/QĐ-TTG, ngày 17/01/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch liên ngành số 49/KHLN-YT-GDĐT ngày 08/11/2022 của Liên ngành Y tế - Giáo dục và Đào tạo, về thực hiện công tác Y tế trường học trên địa bàn tỉnh Thái Bình, trong năm học qua công tác Y tế trường học (YTTH) đã đạt kết quả như sau:

### **I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO VÀ MẠNG LƯỚI YTTH**

#### **1. Công tác tham mưu và chỉ đạo**

- Ngành Y tế, Giáo dục & Đào tạo đã ban hành Kế hoạch liên ngành số 49/KHLN-YT-GDĐT ngày 08/11/2022 của Liên ngành Y tế - Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công tác Y tế trường học trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Sở Y tế cùng Sở GD&ĐT, tham mưu và ban hành nhiều văn bản trong công tác phòng chống dịch và vệ sinh môi trường, trong đó có phòng chống dịch Covid-19, đặc biệt là tại các kỳ thi cuối cấp triển khai tới các cơ sở giáo dục.

#### **2. Mạng lưới Y tế trường học**

- Mạng lưới Y tế trường học được củng cố ở các tuyến:

+ Tuyến tỉnh: Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo bố trí cán bộ tại các phòng của Sở thực hiện công tác YTTH, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, đơn vị thường trực của BCĐ bố trí đầu mỗi hoạt động là Khoa Sức khỏe môi trường (có 01 cán bộ chuyên trách) thường xuyên phối hợp với chuyên viên của Sở Y tế, Sở Giáo dục & Đào tạo chịu trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện công tác YTTH.

+ Tuyến huyện, thành phố: Phòng Giáo dục và Đào tạo đã bố trí cán bộ phụ trách, Trung tâm Y tế huyện, Thành phố bố trí 01 cán bộ chuyên trách thuộc Khoa Y tế công cộng phối hợp với chuyên viên phụ trách Y tế trường học của phòng Giáo dục trong tham mưu chỉ đạo, triển khai thực hiện YTTH trên địa bàn huyện, thành phố.

+ Tuyến xã, phường, thị trấn: 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn đã cử cán bộ hợp đồng với các trạm Y tế xã, phường, thị trấn để thực hiện công tác Y tế trường học, các trường học có Ban chăm sóc sức khỏe học sinh và bố trí cán

bộ Y tế chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phụ trách công tác YTTH (hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm, cán bộ chưa được tập huấn thường xuyên về công tác YTTH).

- Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác YTTH: Các trường có bố trí phòng y tế, tuy nhiên phần lớn là kết hợp với các phòng chức năng khác. 100% số trường có tủ thuốc phục vụ công tác sơ cấp cứu ban đầu cho học sinh và giáo viên, đa số các tủ thuốc chưa đáp ứng yêu cầu theo Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Y tế về danh mục thuốc thiết yếu dùng trong Phòng Y tế học đường của các trường học.

2.1. Tổng số trường học, học sinh, phòng y tế và cán bộ làm công tác y tế trong các trường học

Trường	TS trường	TS học sinh	TS trường có phòng y tế riêng	TS trường có cán bộ y tế	
				Chuyên trách	Kiểm nhiệm
Mầm non	292	86675	156	0	267
Tiểu học	126	82110	81	3	117
TH cơ sở	112	57496	71	1	101
TH và THCS	167	105780	89	0	167
PT trung học	42	55417	36	26	12
<b>Tổng số</b>	<b>739</b>	<b>387.478</b>	<b>433</b>	<b>30</b>	<b>664</b>

2.2. Trình độ cán bộ làm công tác y tế tại các trường học:

Trường	Tổng số cán bộ	Trình độ cán bộ						
		Bác sĩ	Y sĩ	Y tá	Dược sĩ	Nữ hộ sinh	Giáo viên	Khác
Mầm non	268	0	36	0	0	0	123	108
Tiểu học	120	0	23	1	0	0	23	73
Trung học cơ sở	102	0	17	0	0	0	24	61
TH và THCS	167	0	14	0	0	0	65	88
PTTH	42	1	25	4	1	0	7	2
<b>Tổng số</b>	<b>699</b>	<b>1</b>	<b>111</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>242</b>	<b>332</b>

## **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

### **1. Hoạt động về truyền thông giáo dục sức khỏe (GDSK)**

- Các tin bài về hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh được các nhà trường chú trọng quan tâm, hàng năm đều tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà trường, nội dung truyền chủ yếu gồm:

+ Phòng chống các bệnh, dịch bệnh ở trường học và cộng đồng như: Phòng chống sốt xuất huyết Dengue, tay chân miệng, đảm bảo ATVSTP... các bệnh dịch mới nổi, trong đó có dịch Covid 19.

+ Xây dựng nếp sống vệ sinh, bảo vệ môi trường, học sinh với phong trào phòng chống tác hại thuốc lá, bạo lực học đường.

+ Phòng chống các tệ nạn xã hội, tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước trong trường học.

- Phối hợp với Ban chỉ đạo PCTHTL huyện, phòng GDĐT tổ chức 35 cuộc nói chuyện chuyên đề về PCTHTL; 50 cuộc về phòng chống dịch bệnh

- Tổ chức thực hiện 02 đợt giám sát liên ngành về phòng chống tác hại của thuốc lá tại 40 trường học trong tỉnh

- Một số trường học đã tham gia các sự kiện truyền thông lớn trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng như: Tham gia trong mít tinh ra quân tổng VSMT phòng chống dịch của 8 huyện, thành phố,

### **2. Công tác phòng chống dịch bệnh và Vệ sinh môi trường.**

- Ngành Y tế và Giáo dục đã tích cực, chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, tổ chức hướng dẫn tới các đơn vị trường học các biện pháp phòng chống dịch, xử lý môi trường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, giáo viên, học sinh về các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh môi trường, nhất là công tác xử lý môi trường trong phòng chống dịch bệnh mới nổi, vệ sinh nguồn nước sinh hoạt, các công trình vệ sinh trường học.

### **3. Hoạt động chăm sóc sức khỏe (CSSK) tại nhà trường**

- Các đơn vị Y tế đã phối kết hợp với nhà trường tổ chức CSSK học sinh như khám, quản lý sức khỏe cho học sinh tiểu học, THCS; một số trường THPT và trường mầm non bước đầu đã thực hiện quản lý sức khỏe học sinh.

- Tổ chức tẩy giun cho học sinh tiểu học với 100% các học sinh khối cấp 1 tham gia, hướng dẫn và xây dựng nếp sống vệ sinh trong trường học.

- Thực hiện chương trình uống Vitamin A cho các đối tượng trẻ em mầm non toàn tỉnh.

#### **3.1 Thực trạng điều kiện học tập tại trường (Phụ lục 1)**

- Các trường cơ bản có nguồn nước sinh hoạt đảm bảo, tuy nhiên còn một số trường hệ thống thu gom, xử lý rác còn chưa đảm bảo.

### 3.2. Chăm sóc răng miệng học sinh (Phụ lục 6,7)

- Tỷ lệ học sinh mắc các bệnh răng miệng chiếm tỷ lệ: 20,0%

### 3.3. Khám phát hiện tật khúc xạ học sinh (phụ lục 6,7)

- Tỷ lệ học sinh mắc tật khúc xạ chiếm tỷ lệ 16,0% số học sinh được quản lý sức khỏe.

### 3.4. Khám, tẩy giun học sinh tiểu học

Năm học 2022-2023, 100% các trường Tiểu học đã phối hợp với Trung tâm Y tế huyện, thành phố đã tiến hành khám và tẩy giun cho 100% số học sinh khối tiểu học trên địa bàn tỉnh.

### 3.5. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

TT	Nội dung truyền thông	Hình thức truyền thông	Kết quả thực hiện	
			Số lần	Đối tượng
1	Phòng chống bệnh, tật học đường	- Truyền thông trên hệ thống phát thanh của xã/thị trấn. - Truyền thông trực tiếp. - Truyền thông qua bài giảng và các buổi học ngoại khóa. - Truyền thông qua tranh ảnh, áp phích, tờ rơi	434	HS, GV, Phụ huynh học sinh
2	Phòng chống dịch bệnh và PCD Covid-19		429	HS, GV, Phụ huynh học sinh
3	Vệ sinh an toàn thực phẩm		432	HS, GV, Phụ huynh học sinh
4	Phòng chống HIV/AIDS		401	HS, GV, Phụ huynh học sinh
5	Sức khỏe sinh sản vị thành niên		432	HS, GV, Phụ huynh học sinh
6	Sơ cấp cứu tai nạn thương tích		396	HS, GV, Phụ huynh học sinh
7	Phòng chống xâm hại tình dục TE		397	HS, GV, Phụ huynh học sinh
8	Phòng chống tác hại thuốc lá		402	HS, GV, Phụ huynh học sinh
9	Phòng chống tác hại rượu bia		403	HS, GV, Phụ huynh học sinh
10	Rửa tay với xà phòng		398	HS, GV, Phụ huynh học sinh
11	Dinh dưỡng		396	HS, GV, Phụ

TT	Nội dung truyền thông	Hình thức truyền thông	Kết quả thực hiện	
			Số lần	Đối tượng
				huynh học sinh
12	Kỹ năng sống		396	HS, GV, Phụ huynh học sinh

### 3.8. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế học sinh

Cấp học	Số trường tham gia		Tỷ lệ học sinh tham gia
	Tổng số	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
Tiểu học	178	100%	100%
THCS	165	100%	100%
Tiểu học & THCS	108	100%	100%
PTTH&TTGDTX	41	100%	100%

- Tỷ lệ các trường học, học sinh tham gia bảo hiểm Y tế đạt 1000%, hàng năm quỹ khám chữa bệnh BHYT đã đảm bảo được quyền lợi cho học sinh tham gia, tạo được sự yên tâm về mặt tài chính cho nhiều gia đình có học sinh, sinh viên phải điều trị dài ngày tại bệnh viện.

### 4. Hoạt động kiểm tra giám sát

- Năm học 2022-2023, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh tại 30 trường học (từ bậc Mầm non đến THPT) trong toàn tỉnh (có báo cáo riêng).

- Trung tâm Y tế huyện, kết hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND xã kiểm tra các trường về công tác phòng Vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch.

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Những mặt đã đạt được

- Các hoạt động về YTTH đã được triển khai toàn diện, có hiệu quả cao trong việc quản lý sức khỏe học sinh khối tiểu học và trung học cơ sở, hoạt động phòng chống bệnh dịch, hoạt động tiêm chủng vắc xin Covid tại các nhà trường, hoạt động vệ sinh môi trường, truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Ngành Y tế và Giáo dục đã tích cực, chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là những dịch Covid-19, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, giáo viên, học sinh về các biện pháp phòng chống dịch bệnh không để dịch bệnh lây lan.

- Các đơn vị Y tế đã phối kết hợp với nhà trường tổ chức chăm sóc sức khỏe học sinh như quản lý sức khỏe cho học sinh Tiểu học, THCS; quản lý sức khỏe học sinh THPT và Trung tâm giáo dục thường xuyên, khám, quản lý sức khỏe học sinh, tẩy giun cho học sinh tiểu học, triển khai uống vitamin A,...

- Hoạt động YTTH được tăng cường đã góp phần quan trọng để từng bước hình thành nếp sống vệ sinh, đảm bảo sức khỏe, tạo cho học sinh dân chủ động trong việc tự chăm sóc sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

- Cán bộ Y tế làm công tác YTTH tại các trường đa số còn kiêm nhiệm, tỷ lệ cán bộ có trình độ chuyên môn y còn thấp và chưa được tập huấn về công tác Y tế trường học thường xuyên.

- Chưa bố trí nguồn kinh phí để tập huấn công tác chuyên môn về y tế trường học đối với Ban giám hiệu nhà trường và cán bộ phụ trách công tác y tế trường học.

- Phòng Y tế tại nhà trường chủ yếu là lồng ghép với các phòng khác, tủ thuốc và trang thiết bị y tế tại một số trường chưa đầy đủ, nhất là ở cấp học mầm non.

- Công tác quản lý sức khỏe học sinh còn gặp khó khăn vướng mắc theo quy định mới, việc quản lý sức khỏe học sinh tại khối trường Mầm non và khối trường THPT chưa toàn diện.

- Kinh phí để thực hiện công tác y tế trường học rất hạn hẹp, nguồn kinh phí chủ yếu từ 2 nguồn ngân sách Nhà nước bố trí trong chi sự nghiệp GD&ĐT hàng năm của các cơ sở giáo dục và nguồn kinh phí được trích lại từ Quỹ khám chữa bệnh BHYT đối tượng học sinh, sinh viên. Kinh phí cho hoạt động của Ban chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở hàng năm không được bố trí.

## **3. Kiến nghị**

- Bộ Y tế, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 13/2016/TT-BYT và nghị định số 146/2018 của chính phủ.

- UBND tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động Y tế trường học, đặc biệt là hoạt động tập huấn về công tác Y tế trường học cho các cán bộ làm công tác Y tế trường học tại các nhà trường.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động công tác y tế trường học năm học 2022-2023./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở GD&ĐT;

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

- BHXH tỉnh;
- TTKSBT tỉnh;
- Phòng GD&ĐT huyện, TP;
- TTYT huyện, TP;
- Lưu SYT, SGD&ĐT

**Trần Thị Bích Vân**

**Phạm Nam Thái**

**Phụ lục:**

**1. Kiểm tra điều kiện vệ sinh môi trường trong trường học**

Nội dung kiểm tra	Mầm non		Tiểu học		THCS		TH và THCS		PTTH	
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
- Có nguồn nước sinh hoạt đạt yêu cầu	193	66	113	89,6	99	88,3	122	73	36	85,7
- Có đủ nước uống đạt tiêu chuẩn vệ	193	66	113	89,6	99	88,3	122	73	36	85,7

Nội dung kiểm tra	Mầm non		Tiểu học		THCS		TH và THCS		PTTH	
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
sinh cho học sinh										
- Có đủ nhà tiêu, nhà tiêu hợp vệ sinh	193	66	113	89,6	99	88,3	122	73	36	85,7
- Có hệ thống thu gom và xử lý rác đạt yêu cầu	193	66	113	89,6	99	88,31	122	73	36	85,7
- Có hệ thống cống thoát nước đạt yêu cầu	193	66	113	89,6	99	88,3	122	73	36	85,7

## 2. Kiểm tra an toàn thực phẩm trong trường học

Nội dung kiểm tra	Mầm non		Tiểu học		THCS		TH và THCS		PTTH	
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
- Số trường có bếp ăn bán trú	224	100	49	38,8	0	0	10	0,08	0	0
Bếp ăn, nhà ăn, căng tin bố trí đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm	224	100	49	100	0	0	10	100	0	0
- Thực hiện tốt chế độ vệ sinh nhà ăn nhà bếp, dụng cụ và đồ dùng	224	100	49	100	0	0	10	100	0	0
- 100% nhân viên phục vụ tại nhà ăn, nhà bếp được tập huấn về ATVSTP	224	100	49	100	0	0	10	100	0	0
- 100% nhân viên phục vụ tại nhà ăn, nhà bếp được khám sức khỏe định kỳ và xét nghiệm người lành mang trùng theo quy định	224	100	49	100	0	0	10	100	0	0
- Nguồn gốc thực phẩm rõ ràng	224	100	49	100	0	0	10	100	0	0

## 3. Số vụ ngộ độc trong trường học.



Trường	Tổng số vụ ngộ độc	Số mắc	Số chết	Ghi chú (ghi rõ tên loại dịch bệnh/ ngộ độc và thời gian)
Mầm non	0	0	0	
Tiểu học	0	0	0	
Trung học cơ sở	0	0	0	
Phổ thông trung học	0	0	0	
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

#### 4. Trang thiết bị phục vụ cho công tác YTTH của huyện

TT	Tên thiết bị	Số lượng hiện có	Tình trạng sử dụng	Nhu cầu trang bị
1	Bộ kim nhổ răng	22	10 bộ hỏng	
2	Ghế nha khoa	3	01 hỏng	
3	Ống nghe	23	01 hỏng	
4	Huyết áp	21	01 hỏng	
5	Nhiệt kế	30	tốt	
6	Tủ thuốc	4	tốt	
7	Nẹp chân thương các loại	4	tốt	
3.	<i>Tại tuyến xã/phường, TT</i>			
1	Bộ kim nhổ răng	154	90 bộ hỏng	
2	Ghế nha khoa	33		
3	Ống nghe	159	tốt	
4	Huyết áp	159	tốt	
5	Nhiệt kế	449	tốt	
6	Tủ thuốc	302	tốt	
7	Nẹp chân thương các loại	127	tốt	

#### 5. Kết quả khám và điều trị theo chuyên khoa tại các trường

Nội dung	Mầm non		Tiểu học		THCS	
	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %
Tật khúc xạ	21	0,03	5.343	14	8.811	27,7
Bệnh răng miệng	9.174	16,9	11.461	30	4.170	13
Tây giun, sán	10.890	20,1	28.630	75	8.277	26

#### 6. Kết quả khám và điều trị theo chuyên khoa tại các trường (tiếp)

Nội dung	TH và THCS	THPT
----------	------------	------

	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %
Tật khúc xạ	13.663	18,5	12.078	36,9
Bệnh răng miệng	18.281	24,8	2717	8,3
Tây giun, sán	27.625	37,52	1	0,003

### 7. Cơ cấu bệnh tật tại các trường

TT	Nhóm bệnh tật	Mầm non		Tiểu học		THCS	
		Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %
1	Cong, vẹo cột sống	1	0,001	0	0	0	0
2	Bệnh béo phì	165	0,3	195	0,5	110	0,3
3	Bệnh ngoài da	132	0,24	40	0,1	52	0,16
4	Bệnh tai mũi họng	1192	2,2	799	2	475	1,4
5	Bệnh tim mạch	35	0,06	44	0,1	29	0,09
6	Huyết áp cao	0	0	0	0	26	0,08
7	Huyết áp thấp	0	0	0	0	0	0
8	Bệnh hô hấp	292	0,5	45	0,1	70	0,2
9	Bệnh tiêu hóa	41	0,07	29	0,07	47	0,1
10	Bệnh tiết niệu	0	0	0	0	3	0,009
11	Bệnh tâm thần kinh	73	0,1	44	0,1	5	0,01
12	Bệnh bướu cổ	3	0,005	13	0,03	116	0,3

### 8. Cơ cấu bệnh tật tại các trường (tiếp)

TT	Nhóm bệnh tật	TH & THCS		THPT	
		Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %	Số mắc/ số khám	Tỷ lệ %
1	Cong, vẹo cột sống	3	0,004	0	0
2	Bệnh béo phì	435	0,5	127	0,3
3	Bệnh ngoài da	127	0,1	77	0,2
4	Bệnh tai mũi họng	944	1,2	206	0,6
5	Bệnh tim mạch	102	0,1	76	0,2
6	Huyết áp cao	44	0,05	45	0,1
7	Huyết áp thấp	53	0,07	12	0,03

8	Bệnh hô hấp	105	0,1	64	0,1
9	Bệnh tiêu hóa	62	0,08	39	0,1
10	Bệnh tiết niệu	2	0,002	2	0,006
11	Bệnh tâm thần kinh	73	0,09	5	0,01
12	Bệnh bướu cổ	165	0,2	123	0,3